

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H- ơng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ph- ơng Lan

2. Ông Nhâm Đức Hùng

- Th□ ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên– Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 324/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Nguyễn Khánh L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 101, đ- ờng LQK, ph- ờng VB, thành phố RG, tỉnh KG.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh B**, sinh năm 1984

Địa chỉ th- ờng trú: Số nhà 40, tổ 17, ấp VT A, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG.

Địa chỉ tạm trú: Số nhà 630, đ- ờng NTT, ph- ờng AH, thành phố RG, tỉnh KG.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2017 của nguyên đơn Phạm Nguyễn Khánh L, bản tự khai của các đ- ơng sự, nội dung phiên hoà giải ngày 22/12/2017, vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 2008, chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ c- ới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) ph- ờng VB, thành phố RG, tỉnh KG, đã đ- ợc UBND ph- ờng VB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 215, quyển số 01. Trong quá trình chung sống, chị L và anh B có 01 ng- ời con chung là cháu Trần Chí Th, sinh ngày 31/12/2009 đang do chị L trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục; không có tài sản chung và không có nợ chung; do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, anh, chị đã ly thân từ tháng 02/2012 cho đến nay.

Chị Phạm Nguyễn Khánh L yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Trần Thanh B và đ- ợc tiếp tục trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Trần Chí Th cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi, chị L không yêu cầu anh B cấp d- ỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh B không đồng ý ly hôn với chị Phạm Nguyễn Khánh L vì anh còn th- ơng vợ, con; nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh và chị L, anh đồng ý để chị L đ- ợc tiếp tục trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Trần Chí Th cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi, anh B không cấp d- ỡng nuôi con nếu chị L không yêu cầu anh cấp d- ỡng nuôi con, nếu chị L yêu cầu anh cấp d- ỡng nuôi con thì anh cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Phạm Nguyễn Khánh L vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật và sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vào năm 2008, chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 28/11/2017, chị Khánh L có đơn khởi kiện yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh B và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Khánh L và anh B. Đây là tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt anh Trần Thanh B tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17/01/2018 cho anh B theo quy định của pháp luật, nh- ng anh B vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, đ- ợc sự thống nhất của chị Phạm Nguyễn Khánh L, Tòa án tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Nguyễn Khánh L:

2.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND ph- ờng VB, thành phố RG, tỉnh KG, đã đ- ợc UBND ph- ờng VB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 215, quyển số 01 nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B là hôn nhân hợp pháp.

Chị Phạm Nguyễn Khánh L yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh Trần Thanh B với lý do cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh B luôn gặp nhiều bất đồng không thể giải quyết đ- ợc do anh B có quan hệ bất chính với ng- ời phụ nữ khác, không trung thực với chị L, đã làm mất lòng tin của chị L bốn lần, chị L sống với anh Bình không có hạnh phúc. Lý do ly hôn này của chị L đ- ợc anh B thừa nhận tại phiên hòa giải ngày 22/12/2017, nh- ng anh B cho rằng anh có quan hệ bất chính với ng- ời phụ nữ khác là do thách thức của bạn bè, chứ anh không có ý nghĩ bỏ vợ, con.

Xét ý kiến của anh Trần Thanh B không đồng ý ly hôn với chị Phạm Nguyễn Khánh L với lý do anh còn th-ơng vợ, th-ơng con là không có cơ sở để Tòa án chấp nhận vì nếu thực sự yêu th-ơng vợ, con thì anh B đã không làm mất lòng tin về sự chung thủy của anh đối với chị L nhiều lần nh- thế.

Xét rằng: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B đã mất lòng tin về sự chung thủy và anh, chị đã có thời gian ly thân dài (từ tháng 02/2012 cho đến nay). Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã động viên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh B vào ngày 22/12/2017 nh- ng không thành; sau đó, Tòa án có mở phiên hòa giải lần thứ hai vào ngày 26/12/2017, mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17/01/2018 và mở phiên tòa lần thứ hai vào hôm nay (ngày 02/02/2018) nh- ng anh B vắng mặt không có lý do chính đáng- chứng tỏ anh B không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với chị L. Tại phiên tòa, chị L khẳng định rằng chị không còn tình cảm với anh B và vẫn kiên quyết yêu cầu đ- ợc ly hôn với anh B. Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục kéo dài cũng không đạt đ- ợc mục đích của hôn nhân. Vì vậy, trên nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Nguyễn Khánh L đối với anh Trần Thanh B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B tự nguyện xác định là anh, chị có một ng- ời con chung là cháu Trần Chí Th, sinh ngày 31/12/2009. Chị L yêu cầu đ- ợc tiếp tục trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Trần Chí Th cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi.

Xét rằng: Với thu nhập 15.000.000đ/tháng của chị L, từ khi chị L và anh B ly thân đến nay thì cháu Th đ- ợc chị L trực tiếp nuôi d- ỡng, giáo dục và theo nguyện vọng của cháu Th vào ngày 18/12/2017, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Th, Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L.

Ng- ời trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để ng- ời không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Tr- ờng hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của ng- ời con, các đ- ơng sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp d- ỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về cấp d- ỡng nuôi con: Do chị Phạm Nguyễn Khánh L không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B đều xác định là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Chị Phạm Nguyễn Khánh L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Phạm Nguyễn Khánh L

phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Phạm Nguyễn Khánh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000803, ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Khánh L không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Trần Thanh B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B.

2- Về con chung: Giao cháu Trần Chí Th, sinh ngày 31/12/2009 cho chị Phạm Nguyễn Khánh L đ- ọc tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Chí Th tròn 18 tuổi; anh Trần Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai đ- ọc quyền cản trở.

3- Về cấp d- ỡng nuôi con: Do chị Phạm Nguyễn Khánh L không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Phạm Nguyễn Khánh L và anh Trần Thanh B không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

5- Về án phí: Chị Phạm Nguyễn Khánh L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Phạm Nguyễn Khánh L phải nộp vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Phạm Nguyễn Khánh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000803, ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Khánh L không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

Anh Trần Thanh B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/02/2018), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ọc Bản án hoặc đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu H- ơng